

Bản án số: 20/2020/HS-ST  
Ngày: 19/8/2020.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Thúy Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Bà Vành Si Tha.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lộ Văn Linh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sơ thẩm sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

- Lê T, sinh năm 1981; nơi thường trú: Ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Khóm 2, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê H (chết) và bà Nguyễn T, sinh năm 1962; anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo có vợ tên Dương M, sinh năm 1980 và 03 con lớn nhất sinh năm 2006, con giữa sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/03/2003 Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/2004 và thực hiện xong nghĩa vụ dân sự; ngày 05/6/2019 Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn ban hành quyết định số 78 về việc giao Tuấn cho cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị bắt, tạm giam ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tri Tôn; bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần S, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Phạm D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bà Dương M, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Ông Lê H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 15/4/2020 Lê T, sinh năm 1981 (là người nghiện ma túy) đột nhập vào nhà ông Trần S; ngụ: Khóm 1, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang để lấy trộm các tài sản gồm: 01 máy hàn mini màu cam hiệu Galaxy đã qua sử dụng; 01 máy mài cầm tay mini màu xanh hiệu Bosch Gws 6-100 đã qua sử dụng; 01 cặp mâm bánh xe máy nhãn hiệu Honda Future loại 05 cây, màu đen, hàng Trung Quốc đã qua sử dụng, sau khi lấy được tài sản Tuấn đem cất giấu dưới chân cầu 16 cách hiện trường khoảng 160m. Đến khoảng 05 giờ ngày 16/4/2020 Tuấn điều khiển xe mô tô 67B1-069.56 của vợ là Dương M chạy xe đến nơi đã giấu tài sản trộm được, sau đó Tuấn đem toàn bộ tài sản trên bán cho Phạm D là chủ tiệm thu mua phế liệu tại ấp T, xã N, huyện TT, tỉnh An Giang, bán được 850.000đ đã dùng số tiền này để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, vào ngày 27/4/2020 ông S đến trụ sở Công an thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang trình báo sự việc. Qua quá trình rà soát đối tượng nghi vấn Công an thị trấn T đã mời Lê T về trụ sở làm việc. Quá trình lấy lời khai T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chỉ dẫn nơi tiêu thụ tài sản, Công an đã thu hồi toàn bộ tài sản mà T đã lấy trộm.

Đối với ông Phạm D khi mua tài sản do Tuấn bán không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với D.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 26/BB-TTHS ngày 28/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tri Tôn, kết luận: 01 máy hàn mini màu cam hiệu Galaxy đã qua sử dụng, trị giá 1.200.000đ; 01 máy mài cầm tay mini màu xanh hiệu Bosch Gws 6-100 đã qua sử dụng, trị giá 800.000đ; 01 cặp mâm bánh xe máy nhãn hiệu Honda Future loại 05 cây, màu đen, hàng Trung Quốc đã qua sử dụng, trị giá 1.000.000đ. Tổng giá trị tài sản đã định giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại ông S toàn bộ tài sản đã thu hồi từ D do T đã lấy trộm.

Vật chứng thu giữ: 01 máy hàn mini màu cam hiệu Galaxy đã qua sử dụng; 01 máy mài cầm tay mini màu xanh hiệu Bosch Gws 6-100 đã qua sử dụng; tiền Việt nam 500.000đ (là số tiền 01 mà D đã bán 01 cặp mâm bánh xe máy nhãn hiệu Honda Future loại 05 cây, màu đen, hàng Trung Quốc đã qua sử dụng bán cho 01 đối tượng khác, không xác định danh tính, không thu hồi được tài sản, nên D đã trả 500.000đ cho ông Sang), kết quả điều tra xác định là tài sản

của bị hại Trần S nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tri Tôn đã trả lại cho ông S.

01 xe mô tô biển số 67B1-069.56; số máy 619842; số khung 67B106956 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007108 tên Lê H (bị cắt phía trên góc trái), kết quả điều tra xác định là tài sản của người liên quan Dương M nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tri Tôn đã trả lại cho bà M.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trần S; Người liên quan ông Phạm D, bà Dương M, ông Lê H không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Ngày 05/6/2019 Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn ban hành quyết định số 78/QĐ-UBND về việc giao Lê T cho cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 01/8/2019 Lê T đã được Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy cho gia đình bảo lãnh để tiếp tục quản lý tại địa phương do T đã cắt cơn cai nghiện.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn đã truy tố bị cáo: Lê T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia xét xử đã trình bày luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lê T từ 06 tháng đến 9 tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền 850.000đ sung vào ngân sách nhà nước khoản thu lợi bất chính do bị cáo T phạm tội mà có.

Buộc bị cáo T nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tri Tôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

Người bị hại ông Trần S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy ông S đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra và người bị hại đã nhận lại tài sản, nên sự vắng mặt của ông S không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T đã khai hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, vật chứng thu giữ và kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự Cơ quan điều tra Công an huyện Tri Tôn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian; địa điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm tài sản thuộc sở hữu người khác gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đang ở độ tuổi lao động phải là tấm gương sáng cho các con noi theo, nhưng bị cáo lại không chí thú tìm việc làm đúng đắn để có nguồn thu nhập chân chính phụ giúp trong gia đình, vì lòng tham, lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của ông S với tổng giá trị tài sản bị trộm cắp 3.000.000đ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi vi phạm pháp luật của mình. Vì vậy, vụ án cần được xử lý nghiêm tương ứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong xã hội.

[4] Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, tuy nhiên xét thấy bị cáo Tuấn có nghề nghiệp buôn bán, bị cáo không có tài sản

riêng nên Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu số tiền 850.000đ sung vào ngân sách nhà nước khoản thu lợi bất chính do bị cáo T phạm tội mà có.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê T đã được Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy cho gia đình bảo lãnh để tiếp tục quản lý tại địa phương do Tuấn đã cắt con cai nghiện.

[8] Đối với Thiện là người nghiện ma túy với Tuấn đã giới thiệu T mua ma túy để sử dụng của đối tượng Thanh không rõ nhân thân ở thành phố Châu Đốc, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trần S; Người liên quan ông Phạm D không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án:

Đối với ông Trần S: Là người bị hại trong vụ án quá trình điều tra xác định 01 máy hàn mini màu cam hiệu Galaxy đã qua sử dụng; 01 máy mài cầm tay mini màu xanh hiệu Bosch Gws 6-100 đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 500.000đ. Ngày 04/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tri Tôn đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho ông S các tài sản và tiền nêu trên, không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người liên quan bà Dương M quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67B1 – 069.56. Số máy 619842; số khung 67B106956 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007108 tên Lê H (bị cắt phía trên góc trái), ngày 18/5/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tri Tôn đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe cho bà M, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người liên quan ông Lê H: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67B1 – 069.56. Số máy 619842; số khung 67B106956 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007108 tên Lê H (bị cắt phía trên góc trái) đã bán cho vợ bị cáo là bà M nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bà M, ông H không yêu cầu gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người liên quan ông Phạm D có hành vi mua các tài sản từ bị cáo T, nhưng không biết tài sản là do phạm tội mà có Cơ quan điều tra không khởi tố hành vi tiêu thụ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2020); bị hại: Trần S, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lê T.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 27/4/2020.

[3] Biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền 850.000đ sung vào ngân sách nhà nước khoản thu lợi bất chính do bị cáo Tuấn phạm tội mà có.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Lê T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2020). Bị hại Trần S, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKS nhân dân tỉnh An Giang;
- VKS huyện Tri Tôn;
- Công an huyện Tri Tôn;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Sở Tư pháp;
- UBND thị trấn Tri Tôn (để biết);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Sơn Thị Thúy Liễu**